

CTCP Cao su Đà Nẵng (DRC)

MUA

Văn Đình Phong
Chuyên viên

Cập nhật Ô tô & phụ tùng ô tô

Giá mục tiêu	66.000
Giá hiện tại	55.000
Cổ tức tiền mặt	2.000
Tỷ lệ tăng	20,0%
Lợi suất cổ tức	3,6%
Tổng lợi nhuận	23,6%

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hóa USD	215 triệu
GTGD trung bình 30 ngày USD	98.116
Sở hữu của KN/Room tối đa	37,4%
Room tối đa cho khối ngoại	49%
SL cổ phiếu lưu hành	83 triệu
SL cổ phiếu pha loãng hoàn toàn	83 triệu
Mức cao nhất 12 tháng VND	66.000
Mức thấp nhất 12 tháng VND	37.000

Cơ cấu cổ đông

Vinachem	42,1%
Amersham Industries Limited	4,4%
Templeton Frontier Market	4,1%
Ban lãnh đạo	0,6%
Khác	48,8%

Thuộc chỉ số, quỹ ETF

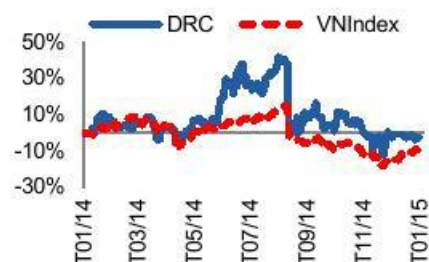
VNI, VN30, Van Eck và FTSE

Mô tả công ty

CTCP Cao su Đà Nẵng là một trong những công ty sản xuất sản phẩm lốp hàng đầu Việt Nam, với thị phần lốp xe tải và xe buýt lên đến khoảng 13%.

DRC sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau dành cho xe tải, ô tô, xe máy và xe đạp. 90% sản lượng của công ty được tiêu thụ trong nước.

Diễn biến tương đối của giá cổ phiếu DRC so với chỉ số VNI



Kết quả kinh doanh lốp radial hứa hẹn triển vọng tích cực

- Chúng tôi điều chỉnh tăng giá mục tiêu lên 66.000 đồng (TL tăng 20%) và nâng khuyến nghị lên MUA với kỳ vọng DRC sẽ có một năm 2015 đảo chiều với EPS dự báo sẽ tăng 29,6%.
- Năm 2014, Bộ Giao thông Vận tải đẩy mạnh quản lý trọng tải (MAM). Động thái này đã góp phần tăng doanh số lốp xe với sản lượng bán ra của DRC tăng 13%.
- Doanh thu năm 2015 tăng 20% nhờ sản lượng lốp radial bán ra tăng 74,1%.
- Biên lợi nhuận gộp năm 2015 sẽ tiếp tục ở mức cao 25% nhờ lốp radial có biên lợi nhuận gộp tăng từ 6,7% lên 15% và giá cao su tự nhiên duy trì ở mức thấp nhất trong 5 năm qua. Như vậy, EPS sẽ tăng mạnh 29,6%.

Doanh số lốp radial tăng mạnh: Trong Quý 4/2014 41.158 lốp radial được bán ra, tăng mạnh 31,5% so với Quý 3, trong khi mức tăng trưởng của Quý 3 so với Quý 2 là 11,6%. Tuy nhiên, Quý 4 đạt được kết quả ngoại lệ nhờ chương trình khuyến mãi đặc biệt dành cho khách hàng mua lốp radial và đã chấm dứt trong năm 2014. Do Tết Âm lịch 2015, các nhà phân phối tăng cường dự trữ vào những tháng cuối năm 2014, đặc biệt là các nhà phân phối sản phẩm tại nước ngoài (29% doanh số lốp radial của DRC). Vì vậy, chúng tôi cho rằng tăng trưởng của lốp radial sẽ chững lại trong Quý 1/2015 trước khi ổn định tại mức tăng trưởng 10% 1 quý trong các quý còn lại của 2015 và tính chung cả năm 2015, DRC sẽ bán được 200.000 lốp.

KQLN Quý 4/2014 cao đột biến: Giá nguyên liệu đầu vào cao su tự nhiên năm 2014 giảm 36%, song song với giá cao su tự nhiên giảm 37%, trong đó Quý 4/2014 giá nguyên liệu đầu vào cao su giảm 25% so với Quý 3/2014, giúp duy trì biên lợi nhuận của DRC tại mức 24,7% (chỉ giảm 0,9% so với năm 2013) dù chi phí khấu hao của nhà máy radial mới khiến biên lợi nhuận chung giảm 2,88%. Giá vốn hàng bán trong Quý 4/2014 giảm mạnh giúp LNST 2014 cao hơn 6,7% so với mục tiêu của công ty dù doanh thu chỉ đạt 93,3% mục tiêu. Doanh thu trước kiểm toán 2014 tăng 16% so với năm 2013 trong khi LNST giảm 6,1%.

Dự báo 2015 của VCSC: Biên lợi nhuận gộp năm 2015 sẽ tăng nhẹ 0,23% nhờ (1) giá cao su tự nhiên giữ nguyên ở mức thấp trong năm 2015 trước khi tăng trở lại trong năm 2016, trên cơ sở dự báo của Rubber Economist Ltd thị trường cao su tự nhiên sẽ bị dư cung 12,2%; (2) biên lợi nhuận gộp của nhà máy lốp radial sẽ tăng từ 6,7% lên 15% nhờ quy mô lớn hơn sẽ giúp tiết kiệm chi phí khấu hao và (3) sản lượng lốp xe ô-tô bán ra tăng 10%. Vì vậy, LNST dự kiến sẽ đạt 456 tỷ đồng, với EPS 2015 tương ứng là 5.491 đồng. Tại mức giá đóng cửa 55.000 đồng, DRC hiện đang giao dịch với PER 2015 là 10,1 lần. Giá mục tiêu chúng tôi đưa ra có PER 2015 tương ứng là 12 lần.

Các chỉ số chính	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
Doanh thu (tỷ đồng)	2.785	2.799	3.251	3.901	4.102
LN ròng sau thuế (tỷ đồng)	312	375	352	456	475
Biên LN gộp (%)	21,3%	25,6%	24,7%	25,1%	24,2%
Biên LN từ HĐ (%)	16,2%	20,4	17,7	18,0%	17,2%
Biên LN ròng sau thuế (%)	11,2%	13,4	10,8	11,7%	11,3%
EPS, pha loãng hoàn toàn (đồng)	5.410	4.929	4.238	5.491	5.723
Tăng trưởng EPS (%)	5,3	-8,9	-14,0	29,6	4,2
GT doanh nghiệp (EV) / EBITDA	4,2	6,9	8,7	7,4	6,8
Giá CP/dòng tiền tự do theo giá TT	-31,1	-7,3	8,7	13,2	7,7
Giá CP/Thu nhập theo giá TT	3,6	7,6	13,2	10,1	9,7
Giá CP/GT số sách theo giá TT	1,0	2,1	3,0	2,5	2,2
ROA (%)	15,2	13,2	11,1	13,0	12,3
ROE (%)	30,5	29,4	24,2	27,2	24,0
Nợ/CSH (%)	76	103	75%	83%	54%

Ghi chú: LN ròng sau thuế = LN ròng sau thuế và sau lợi ích cổ đông thiểu số

Báo cáo tài chính

Tỷ đồng	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
KQLN					
Doanh thu thuần	2.785	2.804	3.251	3.901	4.213
- Giá vốn hàng bán	-2.191	-2.087	-2.447	-2.923	-3.192
Lợi nhuận gộp	594	717	804	977	1.021
- Chi phí bán hàng	-60	-74	-161	-194	-209
- Chi phí quản lí DN	-82	-70	-68	-82	-88
LN thuần HDKD	452	572	574	702	724
- (Lỗ) / lợi tỷ giá	0	-24	-6	-7	-8
- Lợi nhuận khác	-26	-8	-31	-19	-19
EBIT	426	540	537	675	697
- Chi phí lãi vay	-9	-39	-85	-90	-87
Lợi nhuận trước thuế	417	501	452	585	609
- Thuế TNDN	-105	-125	-100	-129	-134
LNST	312	375	352	456	475
- Lợi ích CĐTS	0	0	-	-	-
LNST cổ đông CT Mẹ	312	375	352	456	475
	474	621	667	822	845
EBITDA					
SL CP lưu hành (triệu)	58	76	83	83	83
SL CP pha loãng hoàn toàn (triệu)	58	76	83	83	83
EPS	5.355	4.519	4.238	5.491	5.723
EPS pha loãng hoàn toàn	5.355	4.519	4.238	5.491	5.723

	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
Tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu	5,6	0,7	16,2%	20,0%	8,0%
Tăng trưởng LN HDKD	43,4	26,5	0,5%	22,2%	3,1%
Tăng trưởng EBIT	52,4	26,8	-0,5%	25,8%	3,2%
Tăng trưởng EPS	5,3	-8,9	-14,0%	29,6%	4,2%
Khả năng sinh lợi					
Biên LN gộp %	21,3	25,6	24,7%	25,1%	24,2%
Biên LN từ HD %	16,2	20,4	17,7%	18,0%	17,2%
EBIT %	15,3	19,3	11,1%	13,0%	12,3%
EBITDA %	17,0	22,2	20,5%	21,1%	20,1%
Biên LN ròng %	11,2	13,4	10,8%	11,7%	11,3%
ROE %	30,5	29,5	24,2%	27,2%	24,0%
ROA %	15,2	13,3	11,1%	13,0%	12,3%
Chỉ số hiệu quả vận hành					
Số ngày tồn kho	127,8	141,1	120,6	131,2	131,2
Số ngày phải thu	21,4	26,2	29,1	29,1	29,1
Số ngày phải trả	19,0	28,3	23,2	23,2	23,2
TG luân chuyển tiền	130,1	139,0	126,5	137,1	137,1
Thanh khoản					
CS thanh toán hiện hành	1,9	1,4	1,4	1,6	1,7
CS thanh toán nhanh	0,6	0,4	0,5	0,5	0,5
CS thanh toán tiền mặt	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
Nợ/Tài sản	0,4	0,4	0,4	0,4	0,3
Nợ/Vốn sử dụng	0,4	0,5	0,4	0,5	0,4
Nợ/Vốn CSH	76	102,8	74,6	82,8	54,1
Khả năng thanh toán lãi vay	48,4	13,7	6,4	7,5	8,0

Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty, dự báo của VCSC

Tỷ đồng	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
Bảng CDKT					
Tiền và tương đương	76	54	85	100	108
Đầu tư TC ngắn hạn	0	0	0	0	0
Các khoản phải thu	149	254	265	318	343
Hàng tồn kho	712	901	716	1.051	1.147
TS ngắn hạn	107	88	45	55	59
Tổng TS ngắn hạn	1.044	1.298	1.111	1.523	1.657
TS dài hạn (gộp)	1.965	2.482	2.715	3.179	3.188
- Khấu hao lũy kế	-560	-637	-723	-870	-1.018
TS dài hạn (ròng)	1.405	1.845	1.992	2.308	2.169
Đầu tư TC dài hạn	8	7	0	0	0
TS dài hạn khác	21	38	35	41	45
Tổng TS dài hạn	1.434	1.890	2.026	2.350	2.214
Tổng Tài sản	2.478	3.188	3.137	3.873	3.871
Phải trả ngắn hạn	177	147	164	186	203
Nợ ngắn hạn	117	544	337	390	421
Phải trả ngắn hạn khác	244	242	293	352	380
Nợ ngắn hạn	538	934	793	927	1.004
Vay và nợ dài hạn	771	874	808	1.120	733
Phải trả dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	771	874	808	1.120	733
Tổng nợ	1.309	1.808	1.602	2.048	1.737
Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
Thặng dư	3	3	3	3	3
Vốn cổ phần	692	831	831	831	831
Lợi nhuận giữ lại	474	546	701	991	1.300
Lợi ích CĐTS	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1.169	1.380	1.535	1.825	2.134
Tổng cộng nguồn vốn	2.478	3.188	3.137	3.873	3.871

Tỷ đồng	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
DÒNG TIỀN					
Tiền đầu năm	78	76	54	85	554
Lợi nhuận sau thuế	312	375	352	456	475
Khấu hao	49	82	130	147	148
Thay đổi vốn lưu động					
Điều chỉnh khác	194	-274	296	-7	-3
Tiền từ hoạt động KD	555	179	778	280	539
Chi mua sắm TSCĐ	-722	-567	-296	-9	-9
Đầu tư	0	0	0	0	0
Tiền từ HD đầu tư	-722	-567	-293	-9	-9
Cổ tức đã trả	0	-138	-166	-166	-166
Tăng (giảm) vốn	0	0	0	0	0
Tăng (giảm) nợ ngắn/dài hạn	414	530	-304	-64	10
Tiền từ hoạt động TC	164	392	-187	199	-522
Tổng lưu chuyển tiền tệ	-3	-21	30	470	8
Tiền cuối năm	76	54	85	554	562

Kết quả hoạt động theo quý (theo báo cáo của công ty)

2014	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD	Mục tiêu của DRC	Dự báo của VCSC
Doanh thu	678	868	792	914	3.251	N/A	3.271
Lợi nhuận gộp	173	202	159	269	804	N/A	728
Biên LN gộp (%)	25,5%	23,2%	20,1%	29,4%	24,7%	N/A	22,3%
LN hoạt động	109	124	81	162	574	N/A	570
Biên LN hoạt động (%)	16,1%	14,3%	10,2%	17,7%	17,7%	N/A	17,4
LNST	86	99	65	102	352	330	329
Biên LNST (%)	12,7%	11,4%	8,2%	11,2%	10,8%	N/A	10,1%
2013	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD		
Doanh thu	608	770	630	791	2.804		
Lợi nhuận gộp	146	196	168	206	717		
Biên LN gộp (%)	24,0%	25,5%	26,7%	26,0%	25,6%		
LN hoạt động	115	156	136	165	540		
Biên LN hoạt động (%)	18,9%	20,2%	21,6%	20,8%	20,4%		
LNST	78	110	90	96	375		
Biên LNST (%)	12,9%	14,2%	14,4%	12,1%	13,4%		
2012	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD		
Doanh thu	699	776	651	659	2.785		
Lợi nhuận gộp	111	158	135	190	594		
Biên LN gộp (%)	16,0%	20,3%	20,7%	28,8%	21,3%		
LN hoạt động	85	121	106	141	452		
Biên LN hoạt động (%)	12,1%	15,6%	16,2%	21,3%	16,2%		
LNST	58	86	74	94	312		
Biên LNST (%)	8,3%	11,1%	11,3%	14,3%	11,2		
2011	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD		
Doanh thu	575	713	680	679	2.637		
Lợi nhuận gộp	89	122	83	123	416		
Biên LN gộp (%)	15,4%	17,1%	12,2%	18,1%	15,8%		
LN hoạt động	67	93	60	96	315		
Biên LN hoạt động (%)	11,7%	13,0%	8,8%	14,1%	12,0%		
LNST	41	59	38	59	198		
Biên LNST (%)	7,1%	8,3%	5,6%	8,7%	7,5%		

	Dự báo 2015 (trước đây)	Dự báo 2015 (hiện nay)	Ghi chú
Doanh thu	3.829	3.901	
Lớp bias cho xe tải & xe buýt	2.300	2.383	
Lớp radial cho xe tải & xe buýt	1.027	982	Giá giảm 10% trong năm 2014
Lớp xe máy & xe đạp	423	475	
Khác	55	55	
Lợi nhuận gộp	908	977	Giá nguyên liệu cao su tự nhiên giảm 37% trong năm 2014
Lớp bias cho xe tải & xe buýt	644	691	
Lớp radial cho xe tải & xe buýt	153	147	Giá bán lẻ lớp radial giảm 10% trong năm 2014
Lớp xe máy & xe đạp	94	120	
Khác	15	16	
Chi phí bán hàng và tiếp thị	-107	-194	Giá chiết khấu được khi nhận vào chi phí bán hàng (trước đây được xem là khấu trừ từ doanh thu)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-96	-82	Chi phí nhân công giảm 36% trong 6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận từ hoạt động	704	702	
Lợi nhuận ngoài hoạt động	-43	-26	
EBIT	661	675	
Chi phí lãi vay	-113	-90	
Lợi nhuận trước thuế	548	585	
Lợi nhuận sau thuế	328	456	
Lợi nhuận ròng trước thuế (sau khi trả lợi ích CĐTS)	328	456	
EBITDA	809	822	
Biên lợi nhuận gộp %	23,7	25,1	
Lớp bias cho xe tải & xe buýt %	28,0	29,0	
Lớp radial cho xe tải & xe buýt %	15,0	15,0	
Lớp xe máy & xe đạp %	20,9	24,9	
Khác %	23,0	28,4	Cao đột biến trong Quý 4/2014
Chi phí bán hàng và tiếp thị /doanh thu (%)	2,7	5,0	
Chi phí quản lý DN/doanh thu (%)	2,5	2,1	
Biên LN từ hoạt động %	17,4	18,0	
Biên EBIT %	16,2	17,3	
Biên EBITDA %	22,2	21,1	
Biên LN ròng sau thuế %	11,2	11,7	
Thuế suất thực tế %	22%	22%	

Giá mục tiêu và khuyến nghị VCSC đã đưa ra



Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Văn Đình Phong, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 20%
KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Nếu giá mục tiêu cao hoặc thấp hơn giá thị trường 10%
KÉM KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 10%-20%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, ví dụ như khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn M&A hay tư vấn chiến lược nào đó liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu này bị hoãn lại vì chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Giá mục tiêu: Trong hầu hết trường hợp, giá mục tiêu sẽ tương ứng với đánh giá của chuyên viên phân tích về giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu. Giá mục tiêu là mức giá cổ phiếu nên được giao dịch ở hiện tại nếu thị trường đồng ý quan điểm của chuyên viên phân tích và có những yếu tố xúc tác cần thiết để tạo ra sự thay đổi nhận thức trong thời hạn nhất định. Tuy nhiên, nếu chuyên viên phân tích tin rằng trong thời hạn xác định sẽ không có tin tức, sự kiện hoặc yếu tố thúc đẩy cần thiết để cổ phiếu có thể đạt đến giá trị hợp lý thì giá mục tiêu có thể khác với giá trị hợp lý. Ví dụ, trong hầu hết trường hợp, khuyến nghị của chúng tôi chỉ là đánh giá sự chưa phù hợp giữa giá thị trường hiện tại và giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu theo quan điểm của chúng tôi.

Phương pháp định giá: Để xác định giá mục tiêu, chuyên viên phân tích có thể sử dụng nhiều phương pháp định giá khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do và định giá so sánh. Việc lựa chọn phương pháp tùy thuộc vào từng ngành, công ty, tính chất cổ phiếu và nhiều yếu tố khác. Kết quả định giá có thể dựa trên một hoặc kết hợp nhiều phương pháp sau: 1) **Định giá dựa trên nhiều chỉ số** (P/E, P/CF, EV/doanh thu, EV/EBIT, EV/EBITA, EV/EBITDA), so sánh nhóm công ty và dựa vào số liệu quá khứ; 2) **Mô hình chiết khấu** (DCF, DVMA, DDM); 3) **Phương pháp tính tổng giá trị các thành phần** hoặc các phương pháp định giá dựa vào tài sản; và 4) **Phương pháp định giá sử dụng lợi nhuận kinh tế** (Lợi nhuận thặng dư, EVA). Các mô hình định giá này phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, lãi suất, tỷ giá, nguyên liệu với các giả định khác về nền kinh tế cũng như những rủi ro vốn có trong công ty đang xem xét. Ngoài ra, tâm lý thị trường cũng có thể ảnh hưởng đến việc định giá công ty. Quá trình định giá còn căn cứ vào những kỳ vọng có thể thay đổi nhanh chóng mà không cần thông báo, tùy vào sự phát triển riêng của từng ngành.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

www.vcsc.com.vn

Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều
Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ
Quận 1, TP. HCM
+84 8 3914 3588

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 4 6262 6999

Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Giám đốc

Vũ Thanh Tú
tu.vu@vcsc.com.vn

Trưởng phòng cao cấp, Ngô Hoàng Long

Trưởng phòng, Nguyễn Đức Tuấn

CV cao cấp, Đặng Văn Pháp

CV cao cấp, Đinh Thị Thủy Dương

CV PTKT cao cấp, Nguyễn Thế Minh

Chuyên viên, Ngô Đăng Quê

Chuyên viên, Dương Mỹ Thanh

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 8 3914 3588
research@vcsc.com.vn

Chuyên viên, Nguyễn Thảo Vy

Chuyên viên, Nguyễn Thị Anh Đào

Chuyên viên, Ngô Thùy Trâm

Chuyên viên, Nguyễn Ngọc Hoàng Hải

Chuyên viên, Văn Đình Vỹ

Chuyên viên, Trần Minh Đức

Chuyên viên, Văn Đình Phong

Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

Tổ chức nước ngoài

Michel Tosto, M. Sc.
+84 3914 3588, ext 102
michel.tosto@vcsc.com.vn

Tổ chức trong nước

Nguyễn Quốc Dũng
+84 3914 3588, ext 136
dung.nguyen@vcsc.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng trong nước

Tp. Hồ Chí Minh

Châu Thiên Trúc Quỳnh
+84 8 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vcsc.com.vn

Hà Nội

Nguyễn Huy Quang
+84 4 6262 6999, ext 312
quang.nguyen@vcsc.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.